TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 3 - 2023
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Phượng**.

2. Ông **Thạch Thanh Tâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Bà **Lê Hồng Như** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Thạch Thị Sa P**, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Kim S**, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch Thị Sa P trình bày:***

Vào năm 2009, bà Thạch Thị Sa P và ông Kim S được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Đến năm 2011 mới tiến hành đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65/2011, quyển số 01/2011 ngày 15/3/2011. Hôn nhân giữa bà Thạch Thị Sa P với ông Kim S trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống vợ chồng bà Thạch Thị Sa P ông S có một người con chung tên Kim Thị Sal H, sinh ngày 24/02/2011 đang do bà Thạch Thị Sa P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do ông Kim S nhậu về gây ra nhiều vấn đề rạn nứt trong cuộc sống vợ chồng. Vợ chồng đã không thể hàn gắn được mâu thuẫn và đến năm 2015 thì bà Thạch Thị Sa P về sống bên gia đình cha mẹ ruột tại ấp A, xã B cho đến nay. Kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay bà Thạch Thị Sa P yêu cầu được ly hôn với ông Kim S. Bà Thạch Thị Sa P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Kim Thị Sal H, sinh ngày 24/02/2011 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Kim S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà Thạch Thị Sa P không yêu cầu.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Thạch Thị Sa P đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Chứng minh nhân dân tên Thạch Thị Sa P (bản chứng thực);

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản chứng thực);

+ Giấy khai sinh mang tên Kim Thị Sal H (bản chứng thực);

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Kim S và được ông Kim S nhận trực tiếp cũng như ông Kim D là ruột, ngụ cùng địa chỉ nhận thay các văn bản tố tụng. Do đó việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Kim S không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Kim Thị Sal H, sinh ngày 24/02/2011. Theo đó, cháu Kim Thị Sal H đã đưa ra nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Bên cạnh đó Tòa án đã tiến hành xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ chồng, con trong vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 27/02/2023, bà Thạch Thị Sa P có văn bản yêu cầu vắng mặt xét xử.

Trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bà Thạch Thị Sa P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Kim S và không thể có mặt được vì đang bận công việc. Bên cạnh đó, giữa bà Thạch Thị Sa P và bị đơn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Thạch Thị Sa P vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông Kim S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm

nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Thạch Thị Sa P và ông Kim S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Thạch Thị Sa P cho vợ chồng bà Thạch Thị Sa P ông Kim S ly hôn. Về con chung giao cho bà Thạch Thị Sa P trực tiếp nuôi dưỡng và ông Kim S không phải phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung bà Thạch Thị Sa P xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Thạch Thị Sa P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 03/01/2023, bà Thạch Thị Sa P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Kim S có nơi cư trú tại Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Thạch Thị Sa P vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Kim S vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Thạch Thị Sa P về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2009, bà Thạch Thị Sa P cùng ông Kim S tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và sau đó thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65/2011, quyển 01/2011 ngày 15/3/2011. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010 cũng như Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị Sa P và ông Kim S là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Thạch Thị Sa P: Sau khi kết hôn, vợ chồng chúng sinh sống tại ấp Tân Qui B, xã B hạnh phúc. Đến tháng 12 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và sống ly thân cho đến nay. Bà Thạch Thị Sa P xác không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng do mâu thuẫn đã quá trầm trọng và hôn nhân không thể tiếp tục được nữa. Ông Kim S không còn quan tâm đến vợ con cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy những nội dung này đã được gửi trực tiếp cho ông Kim S nhận sau khi thụ lý vụ án. Tuy nhiên ông Kim S không có ý kiến hay

phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Thạch Thị Sa P đã xác định nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng bà Thạch Thị Sa P phát sinh mâu thuẫn là do ông Kim S nhậu về gây ra nhiều vấn đề rạn nứt trong cuộc sống vợ chồng. Bà Thạch Thị Sa P đã không thể hàn gắn được mâu thuẫn và đến năm 2015 thì bà Thạch Thị Sa P về sống bên gia đình cha mẹ ruột tại ấp A, xã B cho đến nay. Kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng cho bà Thạch Thị Sa P ông Kim S hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông Kim S đều vắng mặt. Việc này đã thể hiện việc cho ông Kim S không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Thạch Thị Sa P. Vì vậy, Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Sa P, cho bà Thạch Thị Sa P được ly hôn với cho ông Kim S.

[3.3] Về thời điểm chấm dứt hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật hôn nhân dân gia đình quy định "Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật". Do đó quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2011, quyển 01 ngày 15/3/2011 do Ủy ban nhân dân xã B cấp của bà Thạch Thị Sa P và ông Kim S sẽ chấm dứt khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3.4] Về con chung: Bà Thạch Thị Sa P xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Thạch Thị Sa P và ông Kim S có một người con chung tên Kim Thị Sal H, sinh ngày 24/02/2011. Hiện nay con chung do bà Thạch Thị Sa P đang trực tiếp nuôi dưỡng. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh mang tên Kim Thị Sal H, sinh ngày 24/02/2011 thể hiện là con chung của bà Thạch Thị Sa P, ông Kim S.

[3.5] Xét ý kiến của bà Thạch Thị Sa P về việc bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Kim Thị Sal H, sinh ngày 24/02/2011 hiện nay đang được bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Kim Thị Sal H, sinh ngày 24/02/2011 có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Bên cạnh đó từ khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay con chung Kim Thị Sal H, sinh ngày 24/02/2011 đang được bà Thạch Thị Sa P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Kim S cũng không có ý kiến gì hoặc có tranh chấp đối với việc nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Kim Thị Sal H, sinh ngày 24/02/2011 cho bà Thạch Thị Sa P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch Thị Sa P xác định hiện tại có nguồn thu nhập ổn định mỗi tháng nên đảm bảo cho việc nuôi con và không cần ông Kim S phải cấp dưỡng cho con chung và không đưa ra yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.7] Bên cạnh đó ông Kim S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Sa P xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Thạch Thị Sa P xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Thạch Thị Sa P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Thạch Thị Sa P, ông Kim S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Sa P.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Sa P được ly hôn với ông Kim S. Quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị Sa P ông Kim S theo giấy chứng nhận kết hôn số 65/2011, quyển 01/2011 ngày 15/3/2011 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp sẽ chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Kim Thị Sal H, sinh ngày 24/02/2011 (hiện nay con chung đang sống với bà Thạch Thị Sa P) cho bà Thạch Thị Sa P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Kim S không phải cấp dưỡng cho con. Ông Kim S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà Thạch Thị Sa P cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Kim S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Sa P xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Thạch Thị Sa P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị Sa P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006857, ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Như vậy bà Thạch Thị Sa P đã thực hiện xong). Ông Kim S không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Thạch Thị Sa P và ông Kim S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thái Ngọc